

## BẢNG SO SÁNH HIỆU QUẢ KINH TẾ KHI SỬ DỤNG SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG VÀ SẢN PHẨM MOVA

**TÊN SP: VỮA XÂY WALL 900 CLAIR - MÁC 75#**

Cơ sở tính toán: Theo B 1234 của định mức vật tư 24-1776

Cấp phối vữa truyền thống mác 75#: 296 kg xi măng PCB 30 và 1,12 m<sup>3</sup> cát vàng

Giá vật liệu: xi măng: 1050 đồng/kg - Cát vàng: 165 000 đồng/m<sup>3</sup> - MN > 2

Giá Wall 900 Clair: 1465 đồng/kg ( Chưa VAT) Tỷ trọng vữa MOVA: 1390 kg/m<sup>3</sup>

Xây gạch nhẹ 100x200x300, xây tường thẳng, dày 3 mm, cao <4m	Đơn vị tính	Sản phẩm truyền thống		
		Định mức cho 1 m <sup>3</sup>	Đơn giá, đồng/m <sup>3</sup> , viên, ca, công	Thành tiền, đồng
Gạch bê tông nhẹ 100 x 200 x 300	Viên	166		
Vữa mác 75#	m <sup>3</sup>	0.18	544,029.00	97,925.22
Vật liệu khác	%	6.50		6,365.14
NC 4/7	công	2.23	118,481.00	264,212.63
Máy trộn 80l	ca	0.036	65,000.00	2,340.00
Chi phí vệ sinh công trường và hao phí khi thi công	%	15.00		55,626.45
<b>Tổng cộng chi phí cho 1 m<sup>3</sup> gạch ( 1 ) là</b>				<b>426,469.44</b>
Xây gạch nhẹ 100x200x300, xây tường 20 , dày 3 mm, cao <4m	Đơn vị tính	Sản phẩm Mova		
		Định mức cho 1 m <sup>3</sup>	Đơn giá, đồng/m <sup>3</sup> , viên, ca, công	Thành tiền, đồng
Gạch bê tông nhẹ 100 x 200 x 300	Viên	166		
Vữa nhẹ Mova , mác 75#	m <sup>3</sup>	0.07	2,036,350.00	146,500.00
Vật liệu khác	%	6.50		9,522.50
NC 4/7	công	2.23	118,481.00	264,212.63
Máy trộn 80l	ca	0.036	65,000.00	2,340.00
Hao phí khi thi công	%	1.50		6,338.63
<b>Tổng cộng chi phí cho 1 m<sup>3</sup> gạch ( 2 ) là</b>				<b>428,913.76</b>

Không cần sàng cát và chỉ cần trộn vữa nhẹ Mova với nước	Chênh lệch giữa ( 2 ) và ( 1 ) là	2,444.32
--	-----------------------------------	----------

Ghi chú:

**1/. Diễn giải các loại hao hụt: theo Định mức 1784- A50**

Số hiệu tiêu chuẩn

**Hao hụt vật liệu trong thi công:**

- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của cát vàng :2%	00.0012
- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của Cát mịn: 2.5%	00.0013
- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của gạch chỉ: 1.5%	00.0049
- Mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc của xi măng: 1%	00.0137

**Hao phí trong khâu trung chuyển:**

- Vật liệu ở thể bột, thể nhuyễn hay nước chứa trong bao bì: 1%	00.0144
- Vật liệu ở thể hạt, rời, xốp: 1%	00.0145

**Hao hụt vật liệu khâu gia công:**

- Mức hao hụt vật liệu ở khâu gia công sàng cát vàng cứ 1.07m <sup>3</sup> được 1m <sup>3</sup>	00.0151
---	---------

**Hao hụt vật liệu trong vận chuyển và bảo quản:**

- Cát vàng: vận chuyển ngoài công trình: 3%; Bảo quản ở kho: 5%	00.0165
- Cát mịn: vận chuyển ngoài công trình: 2%; Bảo quản ở kho: 7.5%	00.0166
- Xi măng các loại: vận chuyển ngoài công trình: 0.5%; Bảo quản ở kho: 0.5%	00.0224

**2/. Tổng cộng hao phí các loại được tính vào giá thành của vữa truyền thống**

Tổng cát vàng: 18%

Tổng cát đen: 13%

Tổng xi măng: 3%

Tổng gạch: 1.5%

3/. Ngoài hiệu quả kinh tế nhìn thấy ở trên, Quý khách hàng sẽ thấy được những lợi ích kinh tế của sản phẩm vữa khô trộn sẵn Mova mà khi dùng sản phẩm truyền thống không có được đó là:

- Hạn chế tối đa sự ô nhiễm môi trường
- Dễ kiểm soát chất lượng
- Kiểm soát được hao phí vật tư không đáng có như bột vật liệu
- Tiết kiệm kho bãi
- Dễ thi công, không cần kiểm soát tỷ lệ pha trộn
- Tiến độ công trình đảm bảo

Trên đây là những lợi ích mà chỉ có người sử dụng mới tính được chính xác giá trị.

MOVA rất hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng!